

Số: 294/QĐ-THPTML

Điện Biên Đông, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thu, chi ngân sách quý III năm 2022
của Trường THPT Mường Luân huyện Điện Biên Đông**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT MƯỜNG LUÂN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 4486/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thu, chi ngân sách quý III năm 2022 của Trường THPT Mường Luân huyện Điện Biên Đông.

(Kèm theo biểu số 03 và đối chiếu quý III của KBNN)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán, các cá nhân và Bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Dán bảng tin, đăng Website trường;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Đình Quang

Đơn vị: Trường THPT Mường Luân
huyện Điện Biên Đông
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Đông, ngày 07 tháng 10 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Mường Luân công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2022 như sau:

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3 năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	8.550.000			
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	8.550.000			
	Phí: Học phí	8.550.000			
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0			
1	Chi sự nghiệp.....	0			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	0			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	8.550.000			
1	Lệ phí	0			
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	8.550.000			
	Phí : Học phí	8.550.000			
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.509.087.500	1.364.617.554	18,2%	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				

2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	nghề	7.509.087.500	1.364.617.554	18,2%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.551.000.000	1.364.617.554	24,6%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.958.087.500	0	0,0%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	thông tấn				
9.1	Dự án A				



9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	thông tân				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Điện Biên Đông, ngày 07 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Trần Đình Quang

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Mường Luân

Mã ĐVQHNS: 1033362

Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/BVDT

Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 06/10/2022 11:11:20
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Điện Biên Đông -
Điện Biên
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ dự
chiếu xác nhận số dự

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2022

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	074	00000	0	5.437.000.000	0	5.437.000.000	5.437.000.000	1.364.617.554	3.764.780.919	0	0	0	1.672.219.081
14	074	00000	0	114.000.000	0	114.000.000	114.000.000	0	0	0	0	0	114.000.000
12	074	00000	2.087.500	1.956.000.000	0	1.956.000.000	1.958.087.500	0	1.114.422.556	0	0	0	843.664.944
Cộng:			2.087.500	7.507.000.000	0	7.507.000.000	7.509.087.500	1.364.617.554	4.879.203.475	0	0	0	2.629.884.025

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 10 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Tân

Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 06/10/2022 11:11:20
Đơn vị: KBNN Điện Biên Đông - Điện Biên

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Hoàng Thị Ngọc
Ngày ký: 06/10/2022 08:54:03
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Mường Luân

Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 06/10/2022 08:54:11
Đơn vị: Trường trung học phổ thông Mường Luân

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Mường Luân

Mã DVQHNS: 1033362

Mã cấp NS: 2

Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 06/10/2022 11:11:20
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KENN Điện Biên Đông -
Điện Biên
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ dự
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVĐT

Quý 3 /Năm 2022

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)	12	074	6151	00000	0	0	0	5.960.000	0	5.960.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	074	6157	00000	0	0	0	252.087.500	0	252.087.500
Các khoản hỗ trợ khác	12	074	6199	00000	0	0	0	856.375.056	0	856.375.056
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	462.703.452	1.345.733.036	462.703.452	1.345.733.036
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	074	6051	00000	0	0	37.054.233	113.163.435	37.054.233	113.163.435
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	12.516.000	36.207.000	12.516.000	36.207.000
Phụ cấp khu vực	13	074	6102	00000	0	0	96.999.000	285.782.000	96.999.000	285.782.000
Phụ cấp thu hút	13	074	6103	00000	0	0	36.609.300	109.827.900	36.609.300	109.827.900
Phụ cấp năng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	894.000	2.682.000	894.000	2.682.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	307.120.978	890.594.634	307.120.978	890.594.634
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	2.682.000	10.723.702	2.682.000	10.723.702
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	45.797.020	128.079.078	45.797.020	128.079.078
Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	13	074	6121	00000	0	0	80.162.000	233.185.000	80.162.000	233.185.000
Phụ cấp khác	13	074	6149	00000	0	0	0	8.120.500	0	8.120.500
Sinh hoạt phí cán bộ đi học	13	074	6155	00000	0	0	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000

Thương trường, xuyên	13	074	6201	00000	0	0	17.950.000	17.950.000	17.950.000	17.950.000
Tiền tài trợ nghiệp phí năm	13	074	6253	00000	0	0	10.710.000	10.710.000	10.710.000	10.710.000
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	97.966.279	284.364.538	97.966.279	284.364.538
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	16.794.215	48.748.198	16.794.215	48.748.198
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	11.196.146	32.488.077	11.196.146	32.488.077
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	5.598.073	16.249.401	5.598.073	16.249.401
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	9.981.254	27.715.930	9.981.254	27.715.930
Văn phòng phẩm	13	074	6551	00000	0	0	10.037.192	10.037.192	10.037.192	10.037.192
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	074	6552	00000	0	0	0	3.000.000	0	3.000.000
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000	0	0	2.167.000	3.667.000	2.167.000	3.667.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại; fax	13	074	6601	00000	0	0	994.032	2.842.957	994.032	2.842.957
Cước phí bưu chính	13	074	6603	00000	0	0	231.984	537.545	231.984	537.545
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0	2.355.000	7.065.000	2.355.000	7.065.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0	8.836.000	14.486.000	8.836.000	14.486.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0	34.850.000	44.100.000	34.850.000	44.100.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	00000	0	0	13.800.000	15.750.000	13.800.000	15.750.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	074	6912	00000	0	0	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0	12.006.000	22.526.000	12.006.000	22.526.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	074	7012	00000	0	0	0	3.480.000	0	3.480.000
Chi khác	13	074	7049	00000	0	0	14.325.000	14.325.000	14.325.000	14.325.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	074	7756	00000	0	0	0	312.400	0	312.400
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	074	7757	00000	0	0	4.628.396	4.628.396	4.628.396	4.628.396
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	074	7854	00000	0	0	4.023.000	12.069.000	4.023.000	12.069.000
Cộng:				0	0	0	1.364.617.554	4.879.203.475	1.364.617.554	4.879.203.475

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 10 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Tân

Người ký: Tạ Thị Thắm
Ngày ký: 06/10/2022 11:11:39
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Điện Biên Đông - Điện Biên

Tạ Thị Thắm

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 10 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Hoàng Thị Ngọc
Ngày ký: 06/10/2022 08:54:03
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Mường Lát

Hoàng Thị Ngọc

Người ký: Trần Đình Quang
Ngày ký: 06/10/2022 08:53:11
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Mường Lát

Trần Đình Quang